

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1424 /XNK-QLCĐ  
v/v: Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không
2. Mã chứng khoán: ARM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38271939 – 38271351 Fax: 04.38271925
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quốc Trường
6. Nội dung thông tin công bố:  
Báo cáo thường niên năm 2013
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: [airimex.vn](http://airimex.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu văn thư, QLCĐ *MA*

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG

**Phụ lục số II**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

**Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**  
**Năm báo cáo: Năm 2013**

**I. Thông tin chung :**

**1. Thông tin khái quát:**

- **Tên giao dịch:** Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0100107934, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- **Vốn điều lệ:** 25.927.400.000 đồng (*Hai mươi lăm tỷ chín trăm hai bảy triệu bốn trăm ngàn đồng Việt Nam*).
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 25.927.400.000 đồng (*Hai mươi lăm tỷ chín trăm hai bảy triệu bốn trăm ngàn đồng Việt Nam*).
- **Địa chỉ:** 414 Nguyễn Văn Cừ - Long Biên – Hà Nội.
- **Số điện thoại:** 04 38 271 351
- **Số fax:** 04 38 271925
- **Website:** airimex.vn
- **Mã cổ phiếu :** ARM

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty XNK Hàng không (Airimex) được thành lập theo Quyết định số 197/TCHK ngày 21 tháng 03 năm 1989 của Tổng cục HKDD VN, trụ sở của Công ty tại 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Năm 2005 Bộ Giao thông vận tải ra quyết định chuyển Công ty XNK HK, đơn vị thành viên của TCT HKVN thành Công ty cổ phần (Quyết định số 3892/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2005).

Ngày 18/05/2006 Công ty CP XNK HK đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần; Vốn điều lệ Công ty: 20 tỷ đồng.

Tháng 4/2009 vốn điều lệ của Công ty tăng lên là: 25.927.400.000 đồng .  
Căn cứ theo quyết định số 617/QĐ-SGDHN ngày 31/08/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không.

Căn cứ Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN ngày 06/10/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội về việc chứng nhận Công ty cổ phần xuất nhập

khẩu Hàng không có mã chứng khoán ARM được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội kể từ ngày 31/08/2010.

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay gồm 5 thành viên. Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Trong đó:

Ông Đặng Xuân Cừ, giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty;

Ông Nguyễn Quốc Trường, giữ chức Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty;

Bà Dương Thị Việt Thắm, giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

25 năm hình thành và phát triển với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, thương hiệu của Công ty đã được khẳng định. Chất lượng dịch vụ mà Công ty cung cấp ngày càng nâng cao. Công ty Airimex có uy tín lớn đối với nhiều ngân hàng, khách hàng trong và ngoài nước. Công ty luôn tập trung trí tuệ, sức lực, vượt qua nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới để nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện thu nộp ngân sách, ổn định đời sống của người lao động và cổ tức chi trả cổ đông;

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

#### **- Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay dân dụng và phụ tùng máy bay trực thăng;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng cụ, vật tư, và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Kinh doanh các thiết bị điện, thiết bị giàn khoan.....

#### **- Địa bàn kinh doanh:**

- Thành Phố Hà Nội;
- Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Thành Phố Đà Nẵng;
- Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

#### **- Mô hình quản trị:**

Công ty hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần. Bao gồm Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Ban giám đốc điều hành; Các phòng: Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Kế hoạch đầu tư – Lao động tiền lương, Phòng XNK 1, Phòng XNK 2, Phòng XNK 3, Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Chi nhánh phía Nam.

#### **- Cơ cấu bộ máy quản lý:**

\* **Hội đồng Quản trị:** Gồm 5 thành viên.

\* **Ban Kiểm soát:** Gồm 3 thành viên.

\* **Ban Giám đốc điều hành:** Gồm 03 thành viên

#### **- Công ty liên quan:**

+ Tên công ty: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

+ Địa chỉ: số 200 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên – Hà Nội

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Vận chuyển Hàng không, giữ chỗ hàng không, hoạt động hàng không chung, bảo dưỡng tàu bay và các phụ tùng thiết bị hàng không, cung ứng dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không khác.....

*Ng*  
2

+ Vốn điều lệ thực góp: 10.710.000.000 VNĐ (Mười tỷ, bảy trăm mười triệu đồng chẵn), chiếm 41.31%.

#### **5. Định hướng phát triển:**

##### **- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

+ Không ngừng phát triển hoạt động SXKD, tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và xã hội, nâng cao giá trị thương hiệu và hình ảnh của Công ty trước cộng đồng;

+ Kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh; Kiểm soát tốt chi phí và công nợ; Đảm bảo sự tăng trưởng bền vững, gắn chặt hiệu quả Sản xuất kinh doanh của công ty với Quyền lợi của Người lao động và Cổ đông;

+ Triển khai đúng tiến độ các Dự án, Hợp đồng;

##### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

+ Đẩy mạnh sắp xếp tại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Trong năm 2014 thực hiện tái cấu trúc Công ty theo hướng đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tinh gọn các phòng chức năng tham mưu. Từng bước xem xét thận trọng để chuyển đổi lại mô hình của các phòng nghiệp vụ cho phù hợp với giai đoạn hiện nay. Mở rộng thị trường ủy thác, giao nhận, nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới trong lĩnh vực này;

+ Chú trọng công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ cho năm 2014, nhất là các cán bộ trẻ có năng lực, trình độ; Bố trí đủ cán bộ theo mô hình tổ chức, luân chuyển cán bộ, lao động nhằm phát huy năng lực và nâng cao hiệu quả, chất lượng làm việc của mỗi lao động;

+ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nhanh, hiệu quả những vướng mắc phát sinh, nâng cao năng suất, chất lượng; Tăng cường công tác quản trị, đặc biệt là quản trị tài chính để minh bạch và khách quan mọi hoạt động của Công ty, đáp ứng với yêu cầu của Công ty niêm yết;

+ Xây dựng văn hóa Công ty, nâng cao trình độ ngoại ngữ và kỹ năng làm việc của cán bộ nhân viên;

+ Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật; Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các qui định, quy chế của Công ty;

+ Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng được cải thiện và cổ tức chi trả cổ đông;

##### **- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty luôn gắn liền sự phát triển của Công ty với sự phát triển, đảm bảo thân thiện với môi trường sạch đẹp và sự an toàn cho cộng đồng;

Trong quá trình kinh doanh, Công ty hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng; đặc biệt là cung cấp vật tư, phụ tùng máy bay đảm bảo an toàn cho những chuyến bay, tạo niềm tin và sự tin tưởng cho hành khách; *M*

#### **6. Các rủi ro:**

+ Rủi ro về tỷ giá, lạm phát: Công ty hoạt động chính là nhập khẩu nên việc biến động bất thường về tỷ giá sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh;

+ Rủi ro về thị trường: Hoạt động kinh doanh đang phải cạnh tranh khốc liệt, việc tìm kiếm và mở rộng thị trường tiềm năng rất khó khăn;

+ Rủi ro khác: Chính sách pháp luật của Nhà nước thường xuyên thay đổi, chông chéo cũng tạo áp lực cho Công ty về việc thực hiện kịp thời, đúng các nghĩa vụ với nhà nước;....

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2013:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

DVT: 1000đ


S T T	Chi tiêu	TH Năm 2012	KH Năm 2013	TH năm 2013		
				Số tiền	% so với TH Năm 2012	% so với KH Năm 2013
1	Tài sản ngắn hạn	116.848.150	110.740.406	92.799.061	79,42	83,8
2	Tài sản dài hạn	10.516.214	9.359.594	8.784.069	83,53	93,85
3	Nợ phải trả	84.490.745	75.500.000	62.613.946	74,11	82,93
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	42.873.618	44.600.000	38.969.184	90,89	87,37
5	Tổng doanh thu	467.512.165	360.020.000	344.533.640	73,70	95,70
6	Tổng Lợi nhuận trước thuế	13.592.750	10.498.766	10.515.739	77,36	100,16
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.259.687	7.874.074	7.650.834	74,57	97,16
8	Thu nhập bình quân (người/năm)	159.300	163.740	162.132	102	99,02
9	Mức chia cổ tức (%)	30%/VĐL	24%/VĐL	24%/VĐL	80	100

### Giải trình một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

- Sử dụng linh hoạt, hiệu quả nguồn vốn hiện có cho hoạt động SXKD, hạn chế lượng hàng hóa tồn kho, quản lý tốt công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn (giảm hàng tồn kho và công nợ với người mua hàng);

- Bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cổ tức chi trả cổ đông;

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: 

(1) Ông Nguyễn Quốc Trường: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/10/2013). Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 0 cổ phần.

(2) Ông Lê Văn Kim: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần XNK Hàng không (Miễn nhiệm ngày 01/10/2013). Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 23.906 Cổ phần, tỷ lệ: 0.9%.

(3) Ông Đinh Ngọc Chùng: Phó Giám đốc Công ty. Số lượng cổ phần nắm giữ: 20.565 Cổ phần, tỷ lệ: 0.7%.

(4) Ông Phạm Hồng Quang Phó Giám đốc Công ty. Số lượng cổ phần nắm giữ: 58.340 Cổ phần, tỷ lệ: 2.2%.

(5) Ông Nguyễn Đình Thái: Kế toán trưởng Công ty. Số lượng cổ phần nắm giữ: 900 Cổ phần, tỷ lệ: 0.035%.

**- Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Thay đổi thành viên HĐQT:

Ngày 29/05/2013 Miễn nhiệm ông Nguyễn Đình Tùng là Chủ tịch HĐQT

Ngày 03/06/2013 Bổ nhiệm ông Đặng Xuân Cừ là Chủ tịch HĐQT

Ngày 16/04/2013 Miễn nhiệm ông Phạm Hồng Quang là Ủy viên HĐQT

Ngày 29/05/2013 Bổ nhiệm ông Đoàn Minh Phú là Ủy viên HĐQT độc lập

- Thay đổi Ban giám đốc:

Ngày 01/10/2013 Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Trường là Giám đốc Công ty.

Ngày 01/10/2013 Miễn nhiệm Ông Lê Văn Kim là Giám đốc Công ty.

- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: Không

- Thay đổi Kế toán trưởng: Không

**- Số lượng cán bộ, nhân viên.**

Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân: 126 người/năm.

Cơ cấu chất lượng lao động trong Công ty như sau:

+ Lao động có trình độ trên đại học chiếm 2,8%;

+ Lao động có trình độ đại học chiếm 63,5%;

+ Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 8,4%;

+ Lao động có trình độ công nhân kỹ thuật và LĐ phổ thông chiếm 25,3%;

100% lao động trong Công ty được ký kết hợp đồng lao động. Công ty tuân thủ các quy định của Bộ Luật lao động và các quy định về chế độ, chính sách với người lao động;

**1. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án** *Ng*

- a) **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2012 công ty không có khoản đầu tư lớn.  
 b) **Các công ty con, công ty liên kết:** Công ty không có Công ty con, công ty liên kết.

**2. Tình hình tài chính**

- a) **Tình hình tài chính**

DVT: 1.000đ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	127.364.364	101.583.130	-20,24
Doanh thu thuần	458.480.467	340.252.813	-25,79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.229.893	10.900.309	-17,61
Lợi nhuận khác	362.857	-384.569	-205,98
Lợi nhuận trước thuế	13.592.750	10.515.739	-22,64
Lợi nhuận sau thuế	10.259.687	7.650.834	-25,43
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%/VĐL	24%/VĐL	-20

- Các chỉ tiêu khác: Không

- b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.38 lần	1.48 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1.1 lần	1.28 lần	
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	66.3%	61.64%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	197%	160.67%	
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	15.25 lần	23.78 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3.6 lần	3.3 lần	

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2.2%	2.25%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	23.9%	19.63%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,05%	7.53%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.8%	3.2%	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.592.740 Cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000đ/ Cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.592.740 Cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế: Không.
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không.

#### b) Cơ cấu cổ đông:

##### \* Cổ đông sáng lập, bao gồm:

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam đang nắm giữ 1.071.000 cổ phần  
Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội
- Trần Trung Dũng đang nắm giữ 40.835 cổ phần  
Địa chỉ: 50/3 Đường Tân Quý - Quận Tân Phú – TPHCM..
- Phạm Hồng Quang nắm giữ 58.340 cổ phần  
Địa chỉ: 46 Nam Ngự - Hà Nội.

##### \* Theo tiêu chí cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn (nắm giữ  $\geq 5\%$  tổng cổ phần): 01 cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ: 1.071.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 41.31%;
- Cổ đông nhỏ (nắm giữ  $< 5\%$  tổng cổ phần): 263 Cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ: 1.521.740 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 58.69%.

##### \* Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

- Cổ đông tổ chức: 08 cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ 1.282.765 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49.48%. Gồm:
  - Cổ đông cá nhân: 256 cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ 1.309.975 cổ phần, chiếm tỷ lệ 50.52%. *MP*



\* Theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

- Cổ đông trong nước: 257 Cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ 2.389.640 cổ phần, chiếm tỷ lệ 92.17%.

- Cổ đông nước ngoài: 07 cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ 203.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7.83%.

\* Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

- Cổ đông nhà nước: 01 Cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ 1.071.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 41.31%.

- Cổ đông khác: 263 Cổ đông, tổng số cổ phần nắm giữ: 1.521.740 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 58.69%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Năm 2013: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có Cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Năm 2013:

- Tổng doanh thu thực hiện 344,533 tỷ VND (đạt 95,70% kế hoạch);


- Tổng lợi nhuận trước thuế là 10,515 tỷ VND (tỷ lệ 40,56% trên vốn điều lệ), đạt 100,16% kế hoạch SXKD 2013 ĐHĐCD thông qua. Lợi nhuận sau thuế 7,651 tỷ VND, tỷ lệ 29,51% trên vốn điều lệ;

Công ty không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch doanh thu do những nguyên nhân sau:

+ Tổng công ty HKVN điều chỉnh giảm phí ủy thác nhập thiết bị, phụ tùng, vật tư máy bay cho Vietnam Airlines từ ngày 01/04/2013 và trực tiếp thực hiện nhập khẩu đồ uống trên các chuyến bay của Vietnam Airlines. Sự điều chỉnh này là ngoài dự kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch 2013 của Công ty và làm giảm sút trên 3 tỷ doanh thu phí ủy thác cũng như lợi nhuận của đơn vị;

+ Doanh thu bán hàng 2013 đạt 91,83% so với kế hoạch do một số dự án lớn với Vietsopetro, Tổng Công ty trực thăng Việt Nam cũng bị huỷ bỏ ngay trước khi đóng thầu (như hệ thống khoan thăm dò và trạm tời của Vietsopetro có tổng mức đầu tư khoảng 80 tỷ VNĐ).

Mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu nhưng do Công ty quản trị hợp đồng (không để phát sinh nợ khó đòi, giảm hàng tồn kho...) và tiết kiệm chi phí đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận, đảm bảo thu nhập cho người lao động và cổ tức chi trả cổ đông. Lợi nhuận trước thuế là 10,515 tỷ VND (tỷ lệ 40,56% trên vốn điều lệ), đạt 100,16% kế hoạch lợi nhuận SXKD 2013;

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: 

Trong năm qua, Công ty đã tập trung trí tuệ, sức lực, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Để thực hiện tốt công tác điều hành và quản trị, Công ty đã triển khai làm những công việc cụ thể:

- Công ty đã ban hành và sửa đổi, bổ sung một số Quy định, Quy chế, Quy trình phù hợp với thực tế, là cơ sở tạo động lực và công cụ để quản trị, điều hành hoạt động của Công ty;

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008 đã được công ty áp dụng nghiêm chỉnh. Sau 05 năm từ khi cấp lại chứng chỉ. Công ty đã xem xét, đánh giá, cải tiến khắc phục phòng ngừa thường xuyên;

- Về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ XNK uỷ thác: Công ty đã thực hiện được nhiều hợp đồng XNK uỷ thác cho các đơn vị chủ yếu trong Tổng công ty Hàng không Việt Nam;

- Về lĩnh vực kinh doanh bán hàng: Đây là hoạt động mang tầm quan trọng (Doanh thu hoạt động này chiếm khoảng 82.3% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ). Đối tác của Công ty phần lớn là những doanh nghiệp lớn có tiềm lực tài chính tốt;

- Về lĩnh vực kinh doanh cho thuê văn phòng: Đây là lĩnh vực kinh doanh Công ty có nhiều kinh nghiệm. Tuy doanh thu hoạt động này chỉ chiếm tỷ trọng 2,7% nhưng hoạt động mang lại công việc và hiệu quả ổn định. Năm 2013, Công ty nâng cao chất lượng phục vụ, sửa chữa cơ sở vật chất hiện có, mở rộng và tận dụng tối đa diện tích cho thuê, doanh thu cho thuê văn phòng tăng 10,7% so với Năm 2012.

- Về lĩnh vực kinh doanh bán vé máy bay: Với sự quan tâm của lãnh đạo Công ty, sự phấn đấu không mệt mỏi của người lao động đã giải quyết được việc làm và thu nhập ổn định.

- Về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giao nhận, vận chuyển: Đây là lĩnh vực kinh doanh có tiềm năng mang lại hiệu quả kinh tế cao, ít rủi ro. Năm 2013, doanh thu của lĩnh vực chiếm khoảng 9,5% tổng doanh thu của Công ty đây là lĩnh vực phù hợp với điều kiện kinh doanh XNK của công ty góp phần tăng doanh thu và việc làm cho người lao động.

## **2. Tình hình tài chính năm 2013:**

### **a) Tình hình tài sản**

Tổng tài sản tại 31/12/2013 giảm 20% so với cùng kỳ Năm 2012 (giảm 26 tỷ đồng), nguyên nhân là do khoản mục tiền và tương đương tiền giảm 14 tỷ đồng (do khoản người mua trả tiền trước giảm tương ứng), chỉ tiêu hàng tồn kho giảm từ 23,68 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012 xuống 12,53 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013;

### **b) Tình hình nợ phải trả:**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ. *Ng*

+ Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm tài chính 2013 giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2012, chủ yếu do biến động giảm mạnh của chỉ tiêu người mua trả tiền trước giảm mạnh từ 48,59 tỷ đồng xuống 19,85 tỷ đồng;

+ Biến động lớn về các khoản nợ: Không có;

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Các khoản nợ phải trả xấu: Không có.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (Các giải pháp sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả của Công ty giai đoạn 2014-2018):

4.1 Chiến lược về đầu tư (hạ tầng cơ sở, trang thiết bị...) Công ty chú trọng đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều hành để giảm hao phí và tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả kinh doanh; Đồng thời phải tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng phục vụ hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng;

#### 4.2 Chiến lược phát triển về ngành nghề kinh doanh, về sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, về khả năng và quan hệ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Tổng công ty:

- Lĩnh vực kinh doanh ủy thác nhập khẩu và dịch vụ vận chuyển: Nâng cao chất lượng dịch vụ, xác định dịch vụ ủy thác nhập khẩu và dịch vụ vận chuyển vật tư phụ tùng máy bay là mảng kinh doanh cốt lõi trong các loại hình kinh doanh của Công ty; Coi lĩnh vực cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác PTVT máy bay là mục tiêu chiến lược, quan trọng, làm nền tảng cho sự phát triển các loại hình kinh doanh khác, mang lại hiệu quả chắc chắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Lĩnh vực kinh doanh bán hàng: Việc tập trung phát triển kinh doanh bán hàng trong và ngoài ngành Hàng không là lĩnh vực có nhiều tiềm năng, đặc biệt là việc kinh doanh bán hàng cho các đơn vị trong ngành Hàng không đã góp phần quan trọng và là yếu tố có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển... của Công ty trong tương lai. Ngoài việc củng cố thị trường trong ngành Hàng không, thị trường truyền thông, Công ty phát triển kinh doanh ra các lĩnh vực khác của nền kinh tế như các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực, công nghiệp khai thác dầu khí, thiết bị soi chiếu an ninh, Công ty môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Honda Việt Nam...

- Lĩnh vực kinh doanh cho thuê văn phòng: Khai thác có hiệu quả dịch vụ cho thuê văn phòng, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Tận dụng cơ hội và tìm giải pháp để khai thác thật tốt và có hiệu quả nguồn tài sản cố định của Công ty. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng doanh thu và hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh cho thuê văn phòng;

- Lĩnh vực kinh doanh bán vé máy bay: Công ty là đại lý bán vé máy bay cho hãng HKQG Việt Nam-Vietnam Airlines và một số hãng Hàng không khác. Cùng với sự phát triển du lịch trong nước và quốc tế, đại lý bán vé máy bay sẽ tích cực mở rộng thị trường và khách hàng, làm tốt công tác đặt vé giữ chỗ, phục vụ khách hàng chu đáo thuận tiện để tăng doanh số, hoa hồng và chiết khấu, phấn đấu duy trì thứ hạng cao và tiếp tục phát triển, trở thành một trong những đại lý bán vé máy bay có uy tín. Tìm cơ hội và thời cơ để phát triển thêm dịch vụ lữ hành gắn với bán vé, đặt chỗ máy bay; *Ng*

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giao nhận, vận tải (logistics): Đây là lĩnh vực kinh doanh có tiềm năng và Công ty có khả năng thực hiện. Công ty đang xây dựng và hoàn thiện đề án quản lý kho phụ tùng vật tư máy bay cho Vietnam Airlines, tạo nguồn thu ổn định và giải quyết việc làm cho người lao động; Trong thời gian tới Công ty sẽ bám sát vào thị trường, khách hàng, đặc biệt là thị trường Hàng không và khách hàng là Vietnam Airlines, các đơn vị đã và sẽ thành lập trong Tổng công ty HKVN để từng bước phát triển lĩnh vực kinh doanh này. Chuẩn bị tốt mọi nguồn lực để thực hiện dịch vụ giao nhận thiết bị, phụ tùng máy bay gửi đi nước ngoài sửa chữa cho Vietnam Airlines khi có yêu cầu;

- Không ngừng phấn đấu để Công ty trở thành nhà phân phối, đại diện bán hàng của các hãng SX lớn trên thế giới trong thời gian tới và có giải pháp hiệu quả để duy trì, gia hạn hợp đồng Đại lý/Nhà phân phối đối với những nhà cung ứng, sản xuất mà Công ty đã có quan hệ hợp đồng;

#### **4.3 Chiến lược về vốn:**

- Sử dụng linh hoạt, hiệu quả nguồn vốn hiện có cho hoạt động SXKD, hạn chế lượng hàng hóa tồn kho, quản lý tốt công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn;

- Trước mắt, trong bối cảnh kinh tế chưa phục hồi, chưa xác định được chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty (mở rộng qui mô, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh), giữ nguyên qui mô vốn điều lệ như hiện tại. Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của công ty ở các thời điểm cụ thể, trường hợp cần thiết phải huy động bổ sung vốn điều lệ phục vụ các mục tiêu phát triển, Công ty sẽ có phương án cụ thể, phù hợp báo cáo ĐHCĐ thông qua theo quy định;

#### **4.4 Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:**

- Tổ chức bộ máy quản trị gọn nhẹ linh hoạt, phân định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, cơ chế phối hợp hành động hợp lý, đội ngũ cán bộ có năng lực và tinh thần trách nhiệm cao;

- Phát triển nguồn nhân lực thông qua việc tuyển mới, đào tạo nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực. Sắp xếp, điều chuyển lao động giữa các phòng nhằm phát huy tốt nhất năng lực sở trường của người lao động, phát huy tính độc lập, sáng tạo của người lao động;

- Tăng cường công tác Đào tạo và Phát triển: Căn cứ vào tình hình và nhu cầu SXKD từng năm tổ chức các lớp học nâng cao trình độ ngoại ngữ, nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ năng đàm phán, kỹ năng bán hàng để tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc.

- Cải tiến chế độ tiền lương, phân phối thu nhập, đánh giá chất lượng công việc để thực hiện chính sách động viên, khuyến khích người lao động tích cực đóng góp vào hiệu quả của doanh nghiệp;

- *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không. Kiểm toán độc lập chấp thuận toàn phần Báo cáo tài chính Năm 2013 của Công ty.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

- Khủng hoảng tài chính ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động của ngành Hàng không và ảnh hưởng trực tiếp tới công việc kinh doanh của Công ty; *Ng*

- Cạnh tranh trong năm 2013 rất gay gắt, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh bán hàng XNK kể cả theo dự án và bán lẻ;

- Một số quy định trong năm 2013 của Nhà nước, chủ trương và giải pháp của Tổng công ty HKVN trong việc kiểm soát đầu tư, tiết giảm chi phí để vượt qua giai đoạn khó khăn của Vietnam Airlines cũng có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty;

- Về phía nội bộ Công ty: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 áp dụng chưa triệt để, vẫn còn một số văn bản chưa phù hợp hoặc còn thiếu nhưng chậm được xem xét, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành. Sự phối kết hợp, trao đổi về nghiệp vụ giữa các phòng trong Công ty đã có nhiều tiến bộ song còn chưa thường xuyên. Nguồn nhân lực cần bổ sung lao động chất lượng, có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng kinh doanh; Điều kiện và phương tiện làm việc còn nhiều hạn chế;

Tuy nhiên Công ty vẫn đẩy mạnh SXKD và đảm bảo ổn định đời sống người lao động và cố gắng chi trả cổ đông;

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban Giám đốc triển khai đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong điều hành hoạt động SXKD của Công ty;

- Ban giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình khắc phục những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ điều hành các mặt hoạt động của Công ty;

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phối hợp cùng với Ban giám đốc, Ban kiểm soát điều hành Công ty phát triển, tăng trưởng bền vững trong thời gian tới. Thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- (1) Ông Nguyễn Đình Tùng: Chủ tịch HĐQT Công ty (Miễn nhiệm ngày 29/5/2013)

+ Là cán bộ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần XNK Hàng không;

+ Là thành viên không trực tiếp điều hành;

+ Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần.

- (2) Ông Đặng Xuân Cừ: Chủ tịch HĐQT Công ty (Bỏ nhiệm ngày 03/06/2013)

+ Là cán bộ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần XNK Hàng không;

+ Là Chủ tịch HĐQT chuyên trách;

+ Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần.

- (3) Ông Lê Văn Kim: Thành viên HĐQT Công ty (Miễn nhiệm ngày 01/10/2013)

+ Là thành viên trực tiếp điều hành; *ML*

- + Sở hữu cá nhân: 23.906 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.9%;
- + Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 23.906 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.9%.
- (4) Ông Nguyễn Quốc Trường: Thành viên HĐQT Công ty (Bổ nhiệm ngày 01/10/2013)

+ Là cán bộ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần XNK Hàng không;

- + Là thành viên trực tiếp điều hành;
- + Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần;

- (5) Ông Trần Chí Dũng: Thành viên HĐQT Công ty

+ Là cán bộ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần XNK Hàng không;

- + Là thành viên không trực tiếp điều hành;
- + Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần.

- (6) Ông Đinh Ngọc Chung: Thành viên HĐQT Công ty

+ Là thành viên trực tiếp điều hành;

- + Sở hữu cá nhân: 20.565 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.7%;
- + Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 20.565 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.7%.

- (7) Ông Phạm Hồng Quang: Thành viên HĐQT Công ty (Miễn nhiệm ngày 16/04/2013)

- + Là thành viên trực tiếp điều hành;
- + Sở hữu cá nhân: 58.340 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.2%;
- + Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 58.340 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.2%.

- (8) Ông Đoàn Minh Phú: Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/05/2013)

- + Là thành viên không trực tiếp điều hành;
- + Sở hữu cá nhân: 64.683 Cổ phần.
- + Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 64.683 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.5%.

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không có.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

*\* Hoạt động của HĐQT: Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua:*

+ HĐQT đã yêu cầu Ban Giám đốc Công ty báo cáo tình hình khó khăn, thuận lợi và kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác trong năm 2013;

+ Triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2013 thông qua; *Me*

+ HĐQT tham mưu cùng Ban giám đốc các phương án kinh doanh, dự án có giá trị lớn;

+ HĐQT xem xét phê duyệt việc sắp xếp, tổ chức lại một số bộ phận cho phù hợp với tình hình SXKD hiện tại;

+ HĐQT phối kết hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Công ty;

+ Đại diện phần sở hữu vốn góp báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư đối với đơn vị liên quan là Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

**\* Số lượng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2013:**

Trong năm 2013, HĐQT triển khai 08 cuộc họp, 08 lần lấy ý kiến các thành viên, tất cả 05 thành viên HĐQT tham gia đầy đủ.

**\* Kết quả các cuộc họp HĐQT năm 2013:**

Sau 08 cuộc họp, 08 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT; Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra 15 Nghị quyết, cụ thể:

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 629/2013/NQ-HĐQT/XNK	06/03/2013	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, thời gian, địa điểm tổ chức.
2	Nghị quyết số 1118/2013/NQ-HĐQT/XNK	10/04/2013	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty.
3	Nghị quyết số 1181/2013/NQ-HĐQT/XNK	16/04/2013	Thông qua một số nội dung về vấn đề nhân sự của HĐQT Công ty.
4	Nghị quyết số 1195/2013/NQ-HĐQT/XNK	17/04/2013	Phê duyệt các nội dung chương trình ĐHCD thường niên 2013. Phê duyệt chủ trương Liên danh đấu thầu cung cấp hàng hoá cho VSP.
5	Nghị quyết số 1276/2013/NQ-HĐQT/XNK	25/04/2013	Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty.
6	Nghị quyết số 1380/2013/NQ-HĐQT/XNK	10/05/2013	Phê duyệt thời gian chính thức tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty.
7	Nghị quyết số 1819/2013/NQ-HĐQT/XNK	22/05/2013	Quyết định trình ĐHĐCĐTN năm 2013 bổ sung một số nội dung có liên quan tới ĐHĐCĐTN năm 2013 của Công ty.
8	Nghị quyết số 08/2013/NQ-ĐHĐCĐ-XNK	29/05/2013	Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2013.
9	Nghị quyết số 2068/2013/NQ-HĐQT-XNK	03/06/2013	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty và triển khai việc chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền theo Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2013.
10	Nghị quyết số 2680/2013/NQ-HĐQT-XNK	24/07/2013	Triển khai một số nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2013
11	Nghị quyết số	30/07/2013	Vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương

	2792/2013/NQ-HĐQT-XNK		Việt Nam-Chi nhánh TP.HCM
12	Nghị quyết số 3474/2013/NQ-HĐQT-XNK	18/09/2013	Miễn nhiệm thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty; bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế và bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
13	Nghị quyết số 4275/2013/NQ-HĐQT-XNK	12/11/2013	Vay vốn tại ngân hàng Hàng hải-Chi nhánh Long Biên.
14	Nghị quyết số 4542/2013/NQ-HĐQT-XNK	03/12/2013	Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2013
15	Nghị quyết số 4752/2013/NQ-HĐQT-XNK	19/12/2013	Tham gia đấu thầu 02 gói thầu của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Tham gia các phiên họp HĐQT và các lần xin ý kiến:.


- a) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Công ty không có.
- b) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

Tất cả 05 thành viên HĐQT sau đều có tham gia các chương trình về Quản trị công ty trong năm.

- (1) Ông Nguyễn Đình Tùng (Miễn nhiệm ngày 29/05/2013);
- (2) Ông Đặng Xuân Cừ (Bổ nhiệm ngày 03/6/2013);
- (3) Ông Lê Văn Kim (Miễn nhiệm ngày 01/10/2013);
- (4) Ông Nguyễn Quốc Trường (Bổ nhiệm ngày 01/10/2013);
- (5) Ông Trần Chí Dũng;
- (6) Ông Đinh Ngọc Chung;
- (7) Ông Phạm Hồng Quang (Miễn nhiệm ngày 16/4/2013);
- (8) Ông Đoàn Minh Phú (Bổ nhiệm ngày 29/5/2013);

**1. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

- (1) Bà Dương Thị Việt Thắm: Trưởng Ban kiểm soát  
+ Sở hữu cá nhân: 1.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.038%.  
+ Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 1.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.038%.
- (2) Bà Vũ Thị Nguyệt Nga: Thành viên BKS  
+ Sở hữu cá nhân: 6.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.228% .  
+ Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 6.000 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.228%.
- (3) Bà Trần Thị Thanh Hoa: Thành viên BKS  
+ Sở hữu cá nhân: 5.315 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.2%. 



+ Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: 5.315 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.2% .

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần XNK Hàng không đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Cụ thể một số hoạt động sau:

+ Giám sát Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

+ Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. Giám sát việc Công ty thực hiện pháp luật NN (Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghĩa vụ với NSNN và chính sách chế độ đối với người lao động...)

+ Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty hàng năm.

+ Đưa ra ý kiến, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty.

+ Hàng quý Ban kiểm soát có họp định kỳ thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty và tổ chức một số các cuộc họp bất thường khi cần thiết. Tất cả 03 thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

**\* Chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Năm 2013:**

Chi tiết như sau:

Số	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Đình Tùng	Chủ tịch HĐQT (Từ 01/01/2013 đến 29/05/2013)	12.500.000
2	Đặng Xuân Cừ	Chủ tịch HĐQT (Từ 03/06/2013 đến 31/12/2013)	17.500.000
3	Lê Văn Kim	Ủy viên HĐQT (Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013)	18.000.000
4	Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT (Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013)	6.000.000
5	Trần Chí Dũng	Ủy viên HĐQT	24.000.000
6	Đinh Ngọc Chung	Ủy viên HĐQT	24.000.000
7	Phạm Hồng Quang	Ủy viên HĐQT (Từ 01/01/2013 đến 16/04/2013)	8.000.000
8	Đoàn Minh Phú	Ủy viên HĐQT (Từ 29/05/2013 đến 31/12/2013)	14.000.000
9	Dương Thị Việt Thắm	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000

10	Vũ Thị Nguyệt Nga	Thành viên BKS	18.000.000
11	Trần Thị Thanh Hoa	Thành viên BKS	18.000.000
	<b>Tổng</b>		<b>184.000.000</b>

Năm 2014, đề nghị mức thù lao hàng tháng cho thành viên HĐQT và BKS: 276 triệu đồng.


\* Các khoản lợi ích khác (lương, thưởng, thù lao...) chưa trừ thuế thu nhập cá nhân:

Số	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (VND)
1	Đặng Xuân Cừ	Chủ tịch HĐQT (Từ 03/06/2013 đến 31/12/2013)	208.311.204
2	Lê Văn Kim	Ủy viên HĐQT Giám đốc (Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013)	501.069.499
3	Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT Giám đốc (Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013)	96.793.319
4	Đinh Ngọc Chùng	Ủy viên HĐQT Phó Giám đốc	443.081.707
5	Phạm Hồng Quang	Ủy viên HĐQT Phó Giám đốc	419.211.347
6	Trần Chí Dũng	Ủy viên HĐQT	39.320.409
7	Đoàn Minh Phú	Ủy viên HĐQT	17.480.000
8	Dương Thị Việt Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	39.320.409
9	Vũ Thị Nguyệt Nga	Thành viên BKS	281.293.065
10	Trần Thị Thanh Hoa	Thành viên BKS	223.506.538
11	Nguyễn Đình Thái	Kế toán trưởng	413.772.446
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.683.159.943</b>

\* Chi đầu tư mua sắm cho HĐQT, BKS, Ban giám đốc năm 2013:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tài sản đầu tư	Số tiền (VND)
01	Đặng Xuân Cừ	Chủ tịch HĐQT	Bộ ghế sofa	34.800.000
02	Nguyễn Quốc Trường	Giám đốc	Máy tính xách tay	31.263.636
	<b>Tổng cộng</b>			<b>66.063.636</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- (1) Ông Nguyễn Đình Tùng - Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/05/2013):  
Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh; 

- (2) Ông Đặng Xuân Cừ - Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/06/2013): Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (3) Ông Lê Văn Kim – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (Miễn nhiệm ngày 01/10/2013): Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (4) Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm ngày 01/10/2013): Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (5) Ông Trần Chí Dũng – Thành viên HĐQT: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (6) Ông Đinh Ngọc Chung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (7) Ông Phạm Hồng Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty (Miễn nhiệm ngày 16/4/2013): Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (8) Ông Đoàn Minh Phú – Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/5/2013): Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (9) Ông Nguyễn Đình Thái - Kế toán trưởng Công ty: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (10) Bà Dương Việt Thắm - Trưởng Ban kiểm soát: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (11) Bà Vũ Thị Nguyệt Nga – Thành viên Ban kiểm soát: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (12) Bà Trần Thị Thanh Hoa – Thành viên Ban kiểm soát: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (13) Ông Đinh Phúc Lộc – Thư ký Công ty: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh;
- (14) Cổ đông lớn - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam: Không có giao dịch cổ phiếu phát sinh.

**b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Công ty không phát sinh.

**c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, Công ty đã tiến hành bầu ra thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2011-2016 đúng theo quy định tại thông tư 121/2012/TT-BTC.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán**

*Đơn vị kiểm toán độc lập:* Công ty TNHH kiểm toán DTL-Văn phòng Hà nội.

*Ý kiến của Kiểm toán:* Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho

năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

*Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.799.061.208</b>	<b>116.848.149.997</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>20.360.846.173</b>	<b>34.294.346.747</b>
1. Tiền	111		10.360.846.173	18.294.346.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	16.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.379.009.143</b>	<b>57.870.377.091</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	52.440.903.051	38.870.153.590
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	6.938.106.092	21.524.334.933
3. Các khoản phải thu khác	135		-	23.154.901
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	-	(2.547.266.333)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.4</b>	<b>12.528.354.411</b>	<b>23.682.015.836</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.528.354.411	23.682.015.836
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>530.851.481</b>	<b>1.001.410.323</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.777.273	114.066.223
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		54.086.475	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		448.987.733	887.344.100
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.784.069.532</b>	<b>10.516.213.516</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.491.607.919</b>	<b>9.970.282.255</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	8.491.607.919	9.970.282.255
Nguyên giá	222		19.229.655.150	20.431.094.969
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.738.047.231)	(10.460.812.714)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		87.477.500	87.477.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.477.500)	(87.477.500)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>292.461.613</b>	<b>545.931.261</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		292.461.613	545.931.261
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>101.583.130.740</b>	<b>127.364.363.513</b>

*MZ*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.613.946.043</b>	<b>84.490.745.340</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.613.946.043</b>	<b>84.466.985.340</b>
1. Phải trả người bán	312	4.6	31.259.093.741	22.449.234.617
2. Người mua trả tiền trước	313	4.7	19.852.379.927	48.591.189.729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	1.842.056.491	3.287.175.209
4. Phải trả người lao động	315		4.159.495.330	4.077.892.894
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.9	3.694.721.467	3.387.460.767
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		564.324.314	1.706.525.191
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.241.874.773	967.506.933
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>23.760.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	23.760.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.10</b>	<b>38.969.184.697</b>	<b>42.873.618.173</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>38.969.184.697</b>	<b>42.873.618.173</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.372.946.692	10.277.380.168
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>101.583.130.740</b>	<b>127.364.363.513</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại			
- USD	6.1	121.645,77	38.769,06
- EUR	6.1	5.032,99	1.683,37

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	340.252.813.336	458.480.467.306
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	340.252.813.336	458.480.467.306
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	298.018.897.362	405.618.147.323
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.233.915.974	52.862.319.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.120.129.606	8.352.767.240
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.165.794.055	9.443.705.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.083.650	463.024.077
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	7.034.654.503	10.840.772.426
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	24.253.287.955	27.700.716.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.900.309.067	13.229.893.041
11. Thu nhập khác	31		160.697.302	678.930.821
12. Chi phí khác	32		545.267.057	316.074.080
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		(384.569.755)	362.856.741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.515.739.312	13.592.749.782
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	2.864.905.013	3.333.062.488
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.650.834.299	10.259.687.294
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.10.3	2.951	3.957

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>10.515.739.312</b>	<b>13.592.749.782</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.5	1.313.233.337	1.523.739.257
- (Hoàn nhập) dự phòng	03		(2.547.266.333)	(761.856.097)
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		32.636.176	(41.039.023)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.262.487.133)	(933.034.596)
- Chi phí lãi vay	06		30.083.650	463.024.077
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>8.081.939.009</b>	<b>13.843.583.400</b>
- Giảm các khoản phải thu	09		1.387.721.302	6.697.238.584
- Giảm hàng tồn kho	10		11.153.661.425	5.874.066.976
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(11.421.695.080)	(12.418.198.575)
- Giảm chi phí trả trước	12		987.148.281	602.202.962
- Lãi tiền vay đã trả	13		(30.083.650)	(463.024.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.371.377.041)	(5.242.835.248)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	16		(12.017.740.648)	(6.444.536.327)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.230.426.402)</b>	<b>2.448.497.695</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(78.600.000)	(107.321.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ&TS dài hạn khác	22		7.272.727	326.972.728
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.255.214.406	842.505.848
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.183.887.133</b>	<b>1.062.157.485</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.877.189.520	93.505.865.360
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.877.189.520)	(93.505.865.360)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.889.508.000)	(6.389.932.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.889.508.000)</b>	<b>(6.389.932.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(13.936.047.269)</b>	<b>(2.879.276.820)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>34.294.346.747</b>	<b>37.183.120.058</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.546.695	(9.496.491)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>20.360.846.173</b>	<b>34.294.346.747</b>

(\*): Đây chủ yếu là khoản chênh lệch giữa khoản thu và chi hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác trong năm. M

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tiền mặt	229.862.857	164.887.493
Tiền gửi ngân hàng	10.130.983.316	18.129.459.254
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.360.846.173</b>	<b>34.294.346.747</b>

**4.2 Phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>52.440.903.051</b>	<b>38.870.153.590</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>20.783.920.395</b>	<b>32.425.911.261</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	19.014.569.074	31.777.211.089
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	1.769.351.321	648.700.172
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>31.656.982.656</b>	<b>6.444.242.329</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	13.612.205.165	-
Công ty Trực thăng Miền Nam	6.636.169.078	-
Công ty TNHH Thương mại Hành Tinh Xanh	2.509.596.600	-
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	1.988.985.600	-
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	1.205.160.000	-
Công ty TNHH Honda Việt Nam	934.220.525	728.204.714
Công ty CP XNK Thiết bị Mỏ Hàn Việt	-	1.345.108.000
Tổng Công ty Thành Thắng	-	867.500.000
Các khách hàng khác	4.770.645.688	3.503.429.615
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>-</b>	<b>(2.547.266.333)</b>
<b>Cộng</b>	<b>52.440.903.051</b>	<b>36.322.887.257</b>

**4.3 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Các khoản ứng trước cho bên thứ ba</b>	<b>6.938.106.092</b>	<b>21.524.334.933</b>
Hãng Mart - USA	-	2.547.266.333
Công ty TNHH Đầu tư B&T	2.401.344.000	-
Công ty TNHH TLD Asia	760.626.240	1.299.473.700
Công ty TNHH Shanghai Cartoo Gse	1.028.282.112	5.218.358.460
Công ty Boardvale Trade LLP - Nga	-	10.934.728.560
Các nhà cung cấp khác	2.747.853.740	1.524.507.880
<b>Cộng</b>	<b>6.938.106.092</b>	<b>21.524.334.933</b>



4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Hàng hoá	6.377.172.328	9.187.574.294
Hàng gửi đi bán	6.151.182.083	14.494.441.542
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>12.528.354.411</b>	<b>23.682.015.836</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>12.528.354.411</b>	<b>23.682.015.836</b>

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	11.982.795.169	3.145.428.112	5.302.871.688	20.431.094.969
Mua sắm mới	-	-	78.600.000	78.600.000
Giảm khác (*)	(79.178.504)	(25.625.000)	(1.175.236.315)	(1.280.039.819)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>11.903.616.665</b>	<b>3.119.803.112</b>	<b>4.206.235.373</b>	<b>19.229.655.150</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	5.438.701.573	1.313.931.684	3.708.179.457	10.460.812.714
Trích khấu hao	577.760.556	332.558.292	402.914.489	1.313.233.337
Giảm khác (*)	(79.178.504)	(25.625.000)	(931.195.316)	(1.035.998.820)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>5.937.283.625</b>	<b>1.620.864.976</b>	<b>3.179.898.630</b>	<b>10.738.047.231</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2013	6.544.093.596	1.831.496.428	1.594.692.231	9.970.282.255
Tại ngày 31/12/2013	5.966.333.040	1.498.938.136	1.026.336.743	8.491.607.919

(\*): Giảm khác là các TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu VND không đáp ứng tiêu chuẩn là TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là 3.929.376.647 VND (Tại ngày 01/01/2013 là 4.354.111.466 VND). *MF*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.6 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>1.556.755.596</b>	<b>1.733.860.068</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.556.755.596	1.733.860.068
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>29.702.338.145</b>	<b>20.715.374.549</b>
Hãng TLD - Hồng Kông	3.894.580	2.180.913.000
ADB - Bỉ	-	1.712.635.777
Tập đoàn Gate	7.383.053.525	5.663.101.117
Công ty Cổ phần AVINTECH	5.246.197.600	3.063.504.490
DRIESEN - Hồng Kông	-	1.537.625.600
Công ty XINFA	12.337.248.000	2.501.114.000
Các nhà cung cấp khác	4.731.944.440	4.056.480.565
<b>Cộng</b>	<b>31.259.093.741</b>	<b>22.449.234.617</b>

**4.7 Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Trả trước từ các bên liên quan</b>	<b>13.074.777.876</b>	<b>38.028.036.177</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	153.392.206	7.392.258.988
Công ty TNHH Kỹ thuật máy bay - VAECO	12.921.385.670	30.635.777.189
<b>Trả trước từ bên thứ ba</b>	<b>6.777.602.051</b>	<b>10.563.153.552</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	3.830.473.778	1.913.538.000
Công ty Trực thăng Miền Nam	-	1.730.540.400
Khu di tích Chủ tịch HCM tại PCT	-	1.237.052.000
Công ty TNHH MTV Trực thăng Miền Bắc	286.237.500	4.973.676.040
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	1.572.208.000	-
Các khách hàng khác	1.088.682.773	708.347.112
<b>Cộng</b>	<b>19.852.379.927</b>	<b>48.591.189.729</b>

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Thuế Giá trị gia tăng	808.272.624	1.833.622.102
Thuế Xuất nhập khẩu	-	639.152.951
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	858.698.389	365.170.417
Thuế Thu nhập cá nhân	175.085.478	440.434.206
Các loại thuế khác	-	8.795.533
<b>Cộng</b>	<b>1.842.056.491</b>	<b>3.287.175.209</b>

**4.9 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tạm thu tiền hàng và thuế nhập khẩu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	3.200.000.000	3.200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	494.721.467	187.460.767
<b>Cộng</b>	<b>3.694.721.467</b>	<b>3.387.460.767</b>

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu

4.10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Tại ngày 01/01/2012	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	-	7.139.043.858	39.735.281.863				
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	10.259.687.294	10.259.687.294				
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(6.222.576.000)	(6.222.576.000)				
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(820.774.984)	(820.774.984)				
Tại ngày 31/12/2012	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	-	10.277.380.168	42.873.618.173				
Tại ngày 01/01/2013	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	-	10.277.380.168	42.873.618.173				
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	7.650.834.299	7.650.834.299				
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	-	(10.889.508.000)	(10.889.508.000)				
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(229.525.029)	(229.525.029)				
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(74.500.000)	(74.500.000)				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(765.083.430)	(765.083.430)				
Tăng khác (ii)	-	-	-	-	-	403.348.684	403.348.684				
Tại ngày 31/12/2013	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	-	6.372.946.692	38.969.184.697				

(i): Chia cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2013 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không số 08/2013/NQ-DHDCD-XNK ngày 29/5/2013 và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2013 theo NQ HĐQT số 4542/2013/NQ-HĐQT-XNK ngày 03/12/2013;

(ii): Tăng khác là khoản giảm các khoản chi phí đã phân bổ vào các năm trước theo quyết định thanh tra thuế số 42938 và 42939 ngày 28/10/2013 của Cục Thuế Hà Nội.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu (TIẾP)

4.10.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận		Số vốn đã góp				
	Đăng ký Kinh doanh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013				
	Số tiền 1.000 VND	%	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND	Thặng dư vốn 1.000 VND	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND
TCT Hàng không Việt Nam	10.710.000	41,31	1.071	10.710.000	-	1.071	10.710.000
Các cổ đông khác	15.217.400	58,69	1.521,74	15.217.400	1.136.540	1.521,74	15.217.400
<b>Cộng</b>	<b>25.927.400</b>	<b>100</b>	<b>2.592,74</b>	<b>25.927.400</b>	<b>1.136.540</b>	<b>2.592,74</b>	<b>25.927.400</b>

MP

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

4.10.2 **Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2013 <u>Cổ phiếu</u>	Tại ngày 01/01/2013 <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.592.740	2.592.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.592.740	2.592.740
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/CP	10.000	10.000

4.10.3 **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 <u>VND</u>	Năm 2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	7.650.834.299	10.259.687.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.592.740	2.592.740
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>2.951</b>	<b>3.957</b>

MA

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>340.252.813.336</b>	<b>458.480.467.306</b>
Doanh thu bán hàng hóa	280.090.384.209	411.742.588.947
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	16.492.107.862	17.983.150.105
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	32.198.688.555	17.749.364.486
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	9.071.875.896	8.197.792.732
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	2.289.049.314	2.302.732.790
Doanh thu dịch vụ khác	110.707.500	504.838.246
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>340.252.813.336</b>	<b>458.480.467.306</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán hàng hóa	267.164.375.320	388.498.806.735
Giá vốn dịch vụ ủy thác vận chuyển	30.765.844.842	16.804.454.364
Giá vốn dịch vụ khác	88.677.200	206.449.800
Dự phòng giảm giá HTK và bảo hành Công trình	-	108.436.424
<b>Cộng</b>	<b>298.018.897.362</b>	<b>405.618.147.323</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	1.255.214.406	842.505.848
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.864.915.200	7.469.222.369
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	41.039.023
<b>Cộng</b>	<b>4.120.129.606</b>	<b>8.352.767.240</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	30.083.650	463.024.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.103.074.229	8.980.680.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.636.176	-
<b>Cộng</b>	<b>4.165.794.055</b>	<b>9.443.705.046</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	8.109.722.501	9.260.444.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.652.456	77.816.979
Chi phí hoa hồng bán vé máy bay (Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng phải trả	-	144.208.000
	(1.104.720.454)	1.358.302.633
<b>Cộng</b>	<b>7.034.654.503</b>	<b>10.840.772.426</b>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.318.591.999	13.531.381.208
Chi phí vật liệu văn phòng	1.340.295.212	762.483.532
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	307.764.000	306.049.174
Chi phí khấu hao tài sản (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.283.580.881	1.445.922.278
	(2.547.266.333)	(721.122.469)
Thuế và các khoản lệ phí	345.989.836	732.662.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.861.393.462	8.442.308.186
Chi phí khác bằng tiền	3.342.938.898	3.201.032.801
<b>Cộng</b>	<b>24.253.287.955</b>	<b>27.700.716.710</b>

**5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. *Ma*



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.515.739.312	13.592.749.782
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	398.350.502	(260.499.829)
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	398.350.502	(260.499.829)
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	393.066.306	-
Các khoản thu nhập/ chi phí không tính thuế khác	5.284.196	(260.499.829)
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	-	-
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>10.914.089.814</b>	<b>13.332.249.953</b>
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>10.914.089.814</b>	<b>13.332.249.953</b>
Thuế suất (%)	25%	25%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>2.728.522.454</b>	<b>3.333.062.488</b>
Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết định Thanh tra thuế số 42939 ngày 28/10/2013	136.382.559	-
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính</b>	<b>2.864.905.013</b>	<b>3.333.062.488</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	365.170.417	2.274.943.177
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.371.377.040)	(5.242.835.248)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>858.698.389</b>	<b>365.170.417</b>

**5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	20.428.314.500	22.791.826.022
Chi phí vật liệu	268.504.670.532	389.371.775.179
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	307.764.000	306.049.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.313.233.337	1.523.739.257
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa TSCĐ	-	778.795.848
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(2.547.266.333)	(761.856.097)
Thuế và các khoản lệ phí	345.989.836	732.662.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.611.195.050	26.155.571.815
Chi phí khác bằng tiền	3.342.938.898	3.261.073.261
<b>Cộng</b>	<b>329.306.839.820</b>	<b>444.159.636.459</b>

MA

## 6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 6.1 Công cụ tài chính

#### 6.1.1 Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 “Công cụ tài chính”.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.360.846.173	34.294.346.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.440.903.051	38.893.308.491
<b>Cộng</b>	<b>72.801.749.224</b>	<b>73.187.655.238</b>

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	34.953.815.208	25.836.695.384
<b>Cộng</b>	<b>34.953.815.208</b>	<b>25.836.695.384</b>

## 6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

### 6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

#### 6.1.1 Các loại công cụ tài chính (Tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### 6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

##### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu do phần lớn các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty có lãi suất cố định.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND. *Mr*

## 6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

### 6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

#### 6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	121.645,77	38.769,06
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	USD	283.274,08	17.388,96
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	USD	(1.190.718,71)	(1.031.202,48)
Nợ phải trả tài chính khác	USD	-	-
<b>Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(785.798,86)</b>	<b>(975.044,46)</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	5.032,99	1.683,37
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	EUR	11.395,95	32.862,98
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	EUR	(89.813,78)	(142.469,31)
<b>Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>EUR</b>	<b>(73.384,84)</b>	<b>(107.922,96)</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	GBP	(400,00)	-
<b>Tài sản tài chính thuần</b>	<b>GBP</b>	<b>(400,00)</b>	<b>-</b>

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 6.3 “Nghị vụ và số dư với các bên liên quan”. *Ng*

## 6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

### 6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

#### 6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

##### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc tổng tài sản ngắn hạn lớn hơn 1,39 lần so với nợ ngắn hạn, duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.


Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	25.836.695.384	-	25.836.695.384
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	34.953.815.208	-	34.953.815.208

### 6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty; Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và các công ty trực thuộc Tổng Công ty;

Trong năm, Công ty có số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan như sau: 

## 6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

### 6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

#### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</b>	<b>108.225.945.188</b>	<b>131.906.778.654</b>
Doanh thu bán hàng hóa	66.493.013.425	100.759.644.693
Doanh thu ủy thác vận chuyển	30.890.470.010	17.371.084.486
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	10.076.860.923	12.352.483.884
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	654.893.330	1.166.529.441
Doanh thu khác	110.707.500	257.036.150
<b>Công ty TNHH KT Máy bay VAECO</b>	<b>20.546.599.176</b>	<b>16.508.987.985</b>
Doanh thu bán hàng hóa	13.925.818.182	10.538.381.000
Doanh thu ủy thác vận chuyển	355.120.000	378.280.000
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	6.265.660.994	5.592.326.985
<b>Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài</b>	<b>4.391.509.087</b>	<b>393.976.000</b>
Doanh thu bán hàng hóa	4.391.509.087	393.976.000
<b>Cộng</b>	<b>133.164.053.451</b>	<b>148.809.742.639</b>

#### **Số dư với bên liên quan**

- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.2 - “Phải thu của khách hàng”
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.6 - “Phải trả người bán”
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.7 - “Người mua trả tiền trước”
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.9 - “Các khoản phải trả, phải nộp khác”

#### *Thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát*

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	1.386.781.633	1.686.643.461
Thù lao của Hội đồng Quản trị và BKS	184.000.000	186.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.570.781.633</b>	<b>1.872.643.461</b>

142

## 6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

### 6.3 Các cam kết quan trọng

#### Cam kết cung cấp trang thiết bị

Ngày 28/12/2008, Công ty ký hợp đồng số 213/HĐKT với Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống đèn hiệu hàng không đường CHC 35L-17R, 35R -17L và phần nguồn cho hệ thống đèn hiệu Cảng Hàng không Đà Nẵng có trị giá 1.825.068,51 EUR và 20.228.934.862 VND. Hợp đồng này kéo dài khoảng ba năm. Ngày 08/02/2012, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 09 ngày 08/11/2012 nhằm bổ sung hợp đồng số 213/HĐKT với giá trị điều chỉnh là 1.964.069,15 EUR và 21.374.343.807 VND.

Đến ngày 31/12/2013, Công ty đã thực hiện được khoảng 85% khối lượng công việc.

### 6.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### 6.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng Không đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội được trình bày nhằm mục đích so sánh.

#### Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Lưu VT, TCKT. *MA*



Nguyễn Quốc Trường